

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trà Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Ông Nguyễn Văn Tấn.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hồ Văn Trúc - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà:** Bà Trần Phi Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Phương T, sinh năm: 1990, có mặt;

Địa chỉ: Thôn CLB, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm: 1987, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn CLB, xã NP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19-3-2020, bản tự khai ngày 22-4-2020, nguyên đơn chị Võ Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện TN (nay là thành phố QN), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05 tháng 3 năm 2013. Quá trình chung sống, đến cuối tháng 01-2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, có lúc anh L bực tức có đánh chị, vợ chồng không chia sẻ, không thông cảm cho nhau, mặc dù hai bên gia đình đã can thiệp nhưng cũng không thể kìm chế bức xúc mỗi khi chung sống với nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn L có 02 (hai) con chung là Trần Võ Ngân H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2012 và Trần Võ Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu H và cháu T. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi

mỗi cháu H, cháu T 1.500.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai ngày 22-4-2020 chị T trình bày, khi ly hôn chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu là yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và cháu T, mỗi tháng cấp dưỡng mỗi cháu 800.000 đồng, hai cháu mỗi tháng anh L cấp dưỡng 1.600.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: anh Trần Văn L không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phương T. Chị Võ Thị Phương T ly hôn anh Trần Văn L. Về con chung: Chị Võ Thị Phương T và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần Võ Ngân H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2012 và Trần Võ Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014. Khi ly hôn giao 02 cháu H và cháu T cho chị T nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi hai cháu H, cháu T mỗi tháng 1.600.000 đồng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu và anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương T và anh Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện TN (nay là thành phố QN), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05 tháng 3 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có lúc anh L bức tức có đánh chị T, vợ chồng không chia sẻ, không thông cảm cho nhau, mặc dù hai bên gia đình đã can thiệp nhưng cũng không thể kìm chế nổi bức xúc mỗi khi chung sống với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không sống chung từ tháng 01-2019 cho đến nay. Từ đó chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn L. Xét thấy lý do xin ly hôn của chị T chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Phương T, chị Võ Thị Phương T được ly hôn với anh Trần Văn L.

[3] Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị Võ Thị Phương T trình bày, chị Võ Thị Phương T và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần Võ Ngân H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2012 và Trần Võ Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu H và cháu T, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 22-4-2020 chị T trình bày, khi ly hôn chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu là yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và cháu T, mỗi tháng cấp dưỡng mỗi cháu 800.000 đồng, hai cháu mỗi tháng anh L cấp dưỡng 1.600.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết xong vụ án cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy hiện nay cháu H, cháu T đang ở với chị T sức khỏe vẫn tốt. Chị T có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu H, cháu T. Ngoài ra cháu H có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu H, cháu T cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L phải cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi tháng mỗi con 800.000 đồng, 02 con cấp dưỡng là 1.600.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8-2020 cho đến khi cháu H, cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T phải chịu 300.000 đồng nhưng chị T đã tạm ứng nên khấu trừ, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Phương T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương T ly hôn với anh Trần Văn L.

2/ Về con chung: Chị Võ Thị Phương T và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần Võ Ngân H, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2012 và Trần Võ Quỳnh T,

sinh ngày 26 tháng 8 năm 2014. Giao cháu Trần Võ Ngân H và cháu Trần Võ Quỳnh T cho chị Võ Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi hai con Trần Võ Ngân H và Trần Võ Quỳnh T mỗi con mỗi tháng 800.000 đồng, hai con anh Trần Văn L cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8-2020 cho đến khi cháu Trần Võ Ngân H và cháu Trần Võ Quỳnh T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Võ Thị Phương T trình bày không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003416 ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Anh Trần Văn L phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã NP, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trà Thanh Tùng**